

Bản án số: 203/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2017

V/v “Ly hôn giữa chị M và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT TỈNH KH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2017/HNGĐ-ST ngày 13/4/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Dạ M** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 31 Tổ 6, xã VT, thành phố NT, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Ngọc H** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 14, Thôn VĐT, xã VH, thành phố NT, tỉnh KH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2017, bản tự khai ngày 20/4/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Dạ M trình bày: Chị và anh Huỳnh Ngọc H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH vào năm 2007 và có hai con chung là: Huỳnh Ngọc Thái B – sinh ngày 02/10/2005 và Huỳnh Nhật K – sinh ngày 01/3/2007 hiện đang ở với chị. Trong quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hòa hợp, không hạnh phúc. Anh H thường xuyên rượu chè, về nhà đánh vợ mặc dù đã được Công an và Hội liên hiệp phụ nữ xã VH đến nhắc nhở, can thiệp nhưng anh H vẫn không sửa chữa nên chị đã đưa con về ở chung với cha mẹ ruột tại xã VT hơn một năm nay, từ đó anh H không còn quan tâm đến vợ và con. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp

đưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – anh Huỳnh Ngọc H vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai.

*** Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã VH là hoàn toàn hợp pháp. Chị M xin ly hôn với anh H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị M và anh H có hai con chung là: Huỳnh Ngọc Thái B và Huỳnh Nhật K đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà cha mẹ ruột ở xã VT, anh H có hộ khẩu ở xã VH, có mặt tại địa phương nhưng không quan tâm đến con nên yêu cầu của chị M được nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị M khai vợ chồng không có tài sản chung. Anh H vắng mặt nên không xác định được tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Huỳnh Ngọc H được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần tiến hành triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp, chứng cứ và hòa giải, đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt họp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Dạ M và anh Huỳnh Ngọc H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, thành phố NT, tỉnh KH (Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2007, quyền số 01/2007 ngày 08/6/2007) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày, bản tự khai của chị M và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên chị M, anh H thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hòa hợp, không hạnh phúc. Anh H có hành vi bạo lực gia đình mặc dù đã được Công an và Hội liên hiệp phụ nữ xã VH đến nhắc nhở, can thiệp nhưng anh H vẫn không sửa chữa nên chị M đã sống ly thân với chồng về ở tại xã VT hơn một năm nay và anh H không còn quan tâm đến vợ và con. Cuộc sống vợ chồng không theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình

2015 là “Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M, anh H có hai con chung là: Huỳnh Ngọc Thái B – sinh ngày 02/10/2005 và Huỳnh Nhật K – sinh ngày 01/3/2007 đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà cha mẹ ruột ở xã VT, anh H có hộ khẩu ở xã VH, có mặt tại địa phương nhưng không quan tâm đến con nên giao hai con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị M khai vợ chồng không có tài sản chung. Anh H vắng mặt nên không xác định được tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Dạ M được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H.

2. Giao hai con chung là: Huỳnh Ngọc Thái B – sinh ngày 02/10/2005, Huỳnh Nhật K – sinh ngày 01/3/2007 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành.

Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh H, chị M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Tách phần tài sản chung thành vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Dạ M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006444 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- UBND xã VH (ĐKKH 2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Việt Cường